

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển
khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;
Căn cứ Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;
Căn cứ Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XII kỳ họp thứ 12 ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh, CV;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, K16.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phi Long

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ phát triển
khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định bao gồm: hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ; hỗ trợ việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn tiên tiến, đạt các giải thưởng về chất lượng quốc gia và quốc tế; hỗ trợ xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp; hỗ trợ thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Định có thực hiện các hoạt động: chuyển giao công nghệ, ứng dụng đổi mới công nghệ; xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn tiên tiến, đạt các giải thưởng về chất lượng quốc gia và quốc tế; xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp; phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

2. Quy định này không áp dụng đối với cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các hoạt động khoa học và công nghệ có sử dụng hoặc đã được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Đảm bảo tính khách quan, bình đẳng, minh bạch trong việc xét duyệt các đăng ký hỗ trợ;

2. Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ 01 (một) lần cho các hoạt động khoa học và công nghệ được quy định tại Quy định này và không trùng lặp với các nội dung đã được hỗ trợ từ các chính sách khác đang có hiệu lực trên địa bàn tỉnh.

3. Các chính sách hỗ trợ tại Quy định này không thay thế quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Hoạt động khoa học và công nghệ: là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ.

2. Quyền sở hữu công nghiệp: là quyền của các tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

3. Văn bằng bảo hộ: là văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý.

4. Chuyển giao công nghệ: là chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

5. Đổi mới công nghệ: là hoạt động thay thế một phần hoặc toàn bộ công nghệ đang sử dụng bằng một phần hoặc toàn bộ công nghệ khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

6. Thị trường khoa học và công nghệ: là môi trường pháp lý, đầu tư và thương mại thúc đẩy quan hệ giao dịch, trao đổi, mua bán các sản phẩm, dịch vụ khoa học và công nghệ được vận hành có sự định hướng, điều tiết và hỗ trợ của Nhà nước.

7. Giấy chứng nhận phù hợp: là giấy chứng nhận được cấp bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao được quy định tại Phụ lục I, Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký

chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) được xem xét hỗ trợ một trong các nội dung sau:

a) Được hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp. Mức hỗ trợ đến 30% giá trị Hợp đồng chuyển giao công nghệ, nhưng tối đa không quá 400.000.000 đồng và không quá một hợp đồng/đơn vị/năm.

b) Được ưu tiên đưa vào danh mục tuyển chọn, giao trực tiếp thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

c) Được hỗ trợ tối đa 2%/năm lãi suất vay từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh (kể cả khoản vay của các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại khác) đối với khoản vay thực hiện chuyển giao công nghệ trong dự án. Mức cho vay tối đa không quá 2.000.000.000 đồng/dự án/doanh nghiệp.

d) Được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định của Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh, tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại cho vay ưu đãi đối với khoản vay thực hiện chuyển giao công nghệ trong dự án.

2. Doanh nghiệp hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo được xem xét hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này đối với dự án đầu tư đổi mới công nghệ có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) và thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao được quy định tại Phụ lục I, Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Điều 6. Hỗ trợ việc xây dựng, áp dụng thành công các hệ thống quản lý tiên tiến; đạt các giải thưởng về chất lượng quốc gia và quốc tế

1. Tổ chức, doanh nghiệp khi được cấp giấy chứng nhận phù hợp theo tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường và năng lượng được hỗ trợ một lần với các mức như sau:

a) Hệ thống quản lý chất lượng (TCVN ISO 9001 hoặc ISO 9001); Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (TCVN ISO 22000 hoặc ISO 22000): Mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/Giấy chứng nhận;

b) Hệ thống quản lý về môi trường (TCVN ISO 14001 hoặc ISO 14001); Hệ thống quản lý năng lượng (TCVN ISO 50001 hoặc ISO 50001): Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/Giấy chứng nhận;

c) Trường hợp các hệ thống quản lý trên được xây dựng tích hợp (*từ 02 hệ thống quản lý trở lên*) và chưa được hưởng hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý riêng lẻ thì được hưởng hỗ trợ một lần với mức 50.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

2. Tổ chức, doanh nghiệp khi đạt các giải thưởng về chất lượng quốc gia và quốc tế được hỗ trợ một lần với các mức như sau:

a) Đạt Giải thưởng Chất lượng quốc gia: 30.000.000 đồng/Giải thưởng.

b) Đạt Giải Vàng Chất lượng quốc gia: 40.000.000 đồng/Giải thưởng.

c) Đạt Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 50.000.000 đồng/Giải thưởng.

Điều 7. Hỗ trợ xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp

1. Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp (gọi chung là đơn vị) được cấp văn bằng bảo hộ trong nước cho các đối tượng sở hữu công nghiệp được hỗ trợ như sau:

a) Đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn: 30.000.000 đồng/văn bằng.

b) Đối với kiểu dáng công nghiệp: 15.000.000 đồng/văn bằng.

c) Đối với nhãn hiệu thông thường: 3.000.000 đồng/văn bằng.

d) Đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận gắn với chỉ dẫn địa danh: 25.000.000 đồng/văn bằng nhưng không quá 01 văn bằng/đơn vị.

2. Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ở nước ngoài được hỗ trợ 20.000.000 đồng/đối tượng sở hữu công nghiệp nhưng không quá 02 văn bằng/đối tượng sở hữu công nghiệp/đơn vị.

3. Hỗ trợ tối đa không quá 20.000.000 đồng đối với giá trị hợp đồng tư vấn tra cứu thông tin về tính mới, trình độ sáng tạo để hỗ trợ cho đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích đối với các giải pháp đạt giải thưởng tại các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

4. Hỗ trợ tối đa không quá 100.000.000 đồng/hợp đồng tư vấn về xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý nhưng không quá 01 hợp đồng/đơn vị.

Điều 8. Hỗ trợ thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Hỗ trợ kinh phí tham gia chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo), triển lãm sáng chế (Invention Exhibition), triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ tiềm năng thương mại hóa (Techshow) ở trong nước và nước ngoài (bao gồm: chi phí thuê mặt bằng

và thiết kế dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm), mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/lần/đơn vị khi tham gia trong nước và 50.000.000 đồng/lần/đơn vị, tổ chức khi tham gia ở nước ngoài.

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện:

Từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm thuộc ngân sách tỉnh.

Điều 10. Lập hồ sơ hỗ trợ

1. Cá nhân, tổ chức đáp ứng các điều kiện được hưởng các chính sách được quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Quy định này nộp hồ sơ, tài liệu về Sở Khoa học và Công nghệ để lập hồ sơ hỗ trợ.

Hồ sơ hỗ trợ gồm:

a) Hồ sơ pháp nhân (đối với đối tượng là pháp nhân) hoặc văn bản pháp lý và các tài liệu liên quan khác chứng minh cá nhân, tổ chức thuộc đối tượng hỗ trợ theo Quy định này;

b) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện hỗ trợ phù hợp với từng nội dung hỗ trợ;

c) Tài liệu chứng minh chi phí phù hợp với từng nội dung hỗ trợ để làm cơ sở xác định mức hỗ trợ.

Thành phần hồ sơ được lập thành 02 bộ cho mỗi nội dung đề nghị hỗ trợ.

2. Trong quá trình chủ trì lập hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, đề nghị các cơ quan, cá nhân, tổ chức cung cấp đủ số lượng, thành phần hồ sơ đảm bảo cho việc thẩm định, xem xét điều kiện hỗ trợ.

Chương III

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN

Điều 11. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ

1. Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện được hưởng các chính sách được quy định tại Điều 5 của Quy định này, hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

a) Đối với đề nghị hỗ trợ trực tiếp hợp đồng chuyển giao công nghệ, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí, trong đó cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với nội dung đề nghị hỗ trợ;

- Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Hồ sơ năng lực của đơn vị chuyển giao công nghệ trong Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

b) Đối với đề nghị cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay đối với phần chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị vay vốn;
- Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ);
- Hợp đồng tín dụng có mục đích vay vốn liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ trong dự án;
- Báo cáo thuyết minh dự kiến hiệu quả hoạt động chuyển giao công nghệ bao gồm các báo cáo về hiệu quả kinh tế và hiệu quả khác từ chuyển giao công nghệ (đối với hỗ trợ lãi suất vay sau khi thực hiện dự án đầu tư).

c) Đối với đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ hoạt động chuyển giao công nghệ, hồ sơ gồm:

- Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ);
- Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có);
- Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có);

2. Thẩm quyền, trình tự thực hiện

a) Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đề nghị cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay đối với phần chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định để đánh giá, xem xét các điều kiện hỗ trợ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ lập hồ sơ của đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt định mức hỗ trợ; thông báo và nêu rõ lý do, yêu cầu đối với đối tượng không hoặc chưa đủ điều kiện hỗ trợ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện hỗ trợ cho đối tượng.

b) Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Thẩm quyền, trình tự thực hiện theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định.

3. Hội đồng thẩm định

a) Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập; thành phần Hội đồng thẩm định gồm: Đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ là Chủ tịch Hội đồng; Các thành viên Hội đồng là: đại diện Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh, Sở Công Thương, Sở Tài chính, đại diện các sở có liên quan, chuyên gia. Căn cứ nội dung, đối tượng hỗ trợ và hồ sơ, tài liệu thực tế, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành phần, số lượng thành viên Hội đồng thẩm định đảm bảo tối đa không quá 09 (chín) thành viên. Thư ký Hội đồng, giúp việc Hội đồng là công chức chuyên môn thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cuộc họp của Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham gia. Trường hợp xét thấy cần thiết thì Chủ tịch Hội đồng xem xét mời đối tượng thụ hưởng, thành phần có liên quan tham gia cuộc họp để giải trình với Hội đồng những vấn đề chưa rõ. Các nội dung xem xét, đánh giá tại cuộc họp được Hội đồng thảo luận dân chủ, công khai và quyết định theo đa số.

c) Chi phí hoạt động của Hội đồng, cơ quan chủ trì lập hồ sơ hỗ trợ được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ. Nội dung và mức chi cụ thể áp dụng theo nội dung và mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Quyết định số 83/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các nội dung liên quan đến lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

4. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định.

Điều 12. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục hỗ trợ xây dựng, áp dụng thành công các hệ thống quản lý tiên tiến; đạt các giải thưởng về chất lượng quốc gia và quốc tế

1. Hồ sơ đề nghị:

Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ việc xây dựng, áp dụng thành công các hệ thống quản lý tiên tiến; đạt các giải thưởng về chất lượng quốc gia và quốc tế, nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí, trong đó cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với nội dung đề nghị hỗ trợ;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với trường hợp tổ chức đề nghị hỗ trợ;
- c) Bản sao Giấy chứng nhận sự phù hợp theo tiêu chuẩn;
- d) Bản sao Giấy chứng nhận của tổ chức chứng nhận cấp cho tổ chức chứng nhận phù hợp;
- e) Bản sao quyết định công nhận đạt các giải thưởng về chất lượng;

2. Thẩm quyền, trình tự thực hiện:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định, đánh giá, xem xét các điều kiện hỗ trợ; quyết định phê duyệt định mức hỗ trợ; thông báo và nêu rõ lý do, yêu cầu đối với đối tượng không hoặc chưa đủ điều kiện hỗ trợ.

Điều 13. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục hỗ trợ xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp

1. Hồ sơ đề nghị:

Cá nhân, tổ chức đề nghị hỗ trợ về xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp, nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí, trong đó cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với nội dung đề nghị hỗ trợ;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với trường hợp tổ chức đề nghị hỗ trợ; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc mã định danh cá nhân đối với trường hợp cá nhân đề nghị hỗ trợ;
- c) Bản sao văn bằng bảo hộ của Cục Sở hữu trí tuệ/Bản sao văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ở nước ngoài;
- d) Hợp đồng dịch vụ đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp (nếu có).

2. Thẩm quyền, trình tự thực hiện:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định, đánh giá, xem xét các điều kiện hỗ trợ; quyết định phê duyệt định mức hỗ trợ; thông báo và nêu rõ lý do, yêu cầu đối với đối tượng không hoặc chưa đủ điều kiện hỗ trợ.

Điều 14. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục hỗ trợ thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ đề nghị:

Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ tham gia các hoạt động nhằm thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí, trong đó cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với nội dung đề nghị hỗ trợ;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với trường hợp tổ chức đề nghị hỗ trợ; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc mã định danh cá nhân đối với trường hợp cá nhân đề nghị hỗ trợ;

2. Thẩm quyền, trình tự thực hiện:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định, đánh giá, xem xét các điều kiện hỗ trợ; quyết định phê duyệt định mức hỗ trợ; thông báo và nêu rõ lý do, yêu cầu đối với đối tượng không hoặc chưa đủ điều kiện hỗ trợ.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ:

- a) Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đủ điều kiện thụ hưởng chính sách; thẩm định hồ sơ; lưu giữ hồ sơ, chứng từ; phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo yêu cầu của tác giả;
- b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ, giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng kết quả các công trình khoa học và công nghệ, các tập thể và cá nhân được thụ hưởng chính sách của tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức thực hiện chính sách theo quy định.

d) Quản lý, sử dụng và thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp theo quy định hiện hành đối với các đối tượng được hỗ trợ theo Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Quy định này.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

Hàng năm chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho Sở Khoa học và Công nghệ và Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh thực hiện chính sách theo quy định hiện hành.

3. Trách nhiệm của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc tổ chức thẩm định chính sách, xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng đề nghị hỗ trợ chuyên giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ;

b) Cấp, quản lý và quyết toán kinh phí hỗ trợ theo các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh đối với các đối tượng được hỗ trợ theo Điều 5 của Quy định này.

4. Các sở, ngành, các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý thực hiện tốt cơ chế này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh tổ chức tuyên truyền phổ biến Quy định này và động viên, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư công nghệ mới, đổi mới công nghệ, nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào phát triển sản xuất, kinh doanh.

6. Đối với các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp

a) Đăng ký hỗ trợ với Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Tiến hành nộp đơn và cung cấp đủ các Hồ sơ được quy định tại các Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 của Quy định này. Tuân thủ chặt chẽ quy trình hỗ trợ, triển khai nội dung hỗ trợ, nhận và quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh và các cơ quan chức năng có liên quan.

c) Cam kết về việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, các chính sách đối với người lao động.

Điều 16. Hậu kiểm và thu hồi hỗ trợ

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các dự án được hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các trường hợp sai phạm, các vấn đề vướng mắc liên quan.

2. Các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có hành vi gian dối để được hưởng hỗ trợ ưu đãi theo Quy định thì phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã được cấp, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh đến Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phi Long